TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I

MÔN TOÁN – KHỐI 2

PHIẾU SỐ 5

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Có bao nhiêu số có hai chữ số lớn hơn 60 và bé hơn 67?

A. 8 **B.** 7 **C.** 5 **D.** 6

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 20, 31, 42, ……, 64, 75

A. 52 **B.** 54 **C.** 64 **D.** 53

Câu 3. Thùng thứ nhất có 77 l nước, thùng thứ hai có 66 l nước. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai số lít nước là:

A. 10 l **B.** 12 l **C.** 11 l **D.** 21 l

Câu 4. Kết quả của phép tính 19 + 23 + 34 là:

A. 76 **B.** 86 **C.** 77 **D.** 66

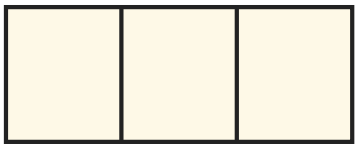
Câu 5. Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?



A. 8 giờ 30 phút **B.** 9 giờ 30 phút

C. 9 giờ 15 phút **D.** 10 giờ 30 phút

Câu 6. Hình bên có bao nhiêu hình tứ giác?



A. 6 **B.** 5 **C.** 4 **D.** 7

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số: 47, 61, 32, 31, 50.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 2. Viết tiếp hai số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 24, 32, 40, 48, ……, ……

b) 73, 65, 57, 49, ……, ……

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 39 + 27 = ……

b) 83 − 24 = ……

c) 43 − 5 = ……

d) 72 + 8 = ……

Bài 4. Ngày 6 tháng 12 là thứ Hai. Biết tháng 12 có 31 ngày. Viết vào chỗ chấm:

a) Ngày 30 tháng 12 là thứ ……

b) Tháng 12 năm đó có …… ngày Chủ nhật

c) Ngày Chủ nhật cuối cùng của tháng 12 là ngày ……

Bài 5. Đếm hình:



a) Hình bên có …… hình tứ giác.

Bài 6. Tú hái được 32 bông hoa, Ngọc hái được 24 bông hoa. Hỏi hai bạn hái được tất cả bao nhiêu bông hoa? Ai hái được nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu bông?

a) Hai bạn hái được: …… bông hoa

b) Bạn hái nhiều hơn là Tú, nhiều hơn: …… bông hoa

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 5

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	D	C	A	B	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 31, 32, 47, 50, 61

b) 61 − 31 = 30

Bài 2.

a) Thêm 8 mỗi lần: 56, 64

b) Bớt 8 mỗi lần: 41, 33

Bài 3.

a) 39 + 27 = 66

b) 83 − 24 = 59

c) 43 − 5 = 38

d) 72 + 8 = 80

Bài 4.

a) Đếm thêm từ ngày 6 (thứ Hai) đến ngày 30: thứ Năm

b) Các ngày Chủ nhật: 5, 12, 19, 26: có 4 ngày

c) Ngày 26

Bài 5.

Có 4 hình nhỏ, 4 hình ghép từ 2 ô và 1 hình lớn: 9 hình tứ giác.

Bài 6.

Tất cả: 32 + 24 = 56 (bông)

Tú hái nhiều hơn: 32 − 24 = 8 (bông)